

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Huy Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm;
2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Q, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 10, ấp TL, xã TLH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh T, sinh năm 1999; địa chỉ: khu phố LA, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Q trình bày:

Chị Q và anh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, ngày 12-11-2021.

Chị Q và anh T đều là công nhân và quen nhau qua mạng xã hội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng nhà cha mẹ anh T tại khu phố LA, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi, không có tiếng nói chung. Anh T không chăm lo cho gia đình,

chơi bời bên ngoài gây nợ riêng của anh T nhưng chủ nợ lại tìm chị Q yêu cầu trả nợ. Anh T ngoại tình có quan hệ với người con gái khác.

Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 tới nay, chị Q về nhà cha mẹ chị Qu tại ấp TL, xã TLH, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sống còn anh T ở nhà cha mẹ anh T. Từ khi chị Q về nhà cha mẹ sống anh T cũng không có liên hệ với chị Q để nói chuyện hàn gắn tình cảm.

Do cả hai không gặp nhau, không gần gũi nhau, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên chị Q yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T trình bày:

Anh T và chị Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, ngày 12-11-2021.

Anh T và chị Q đều làm công nhân và quen nhau qua mạng xã hội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà cha mẹ anh T tại khu phố LA, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Anh T thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng là các mâu thuẫn nhỏ. Cụ thể anh T nghi ngờ chị Q ngoại tình và chị Q cũng nghi ngờ anh T ngoại tình.

Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 tới nay, anh T sống tại nhà cha mẹ anh T còn chị Q bỏ về nhà cha mẹ chị Q sống. Anh T không liên hệ với chị Q để nói chuyện hàn gắn tình cảm. Anh T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tổng đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định: cho chị Q ly hôn anh T; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra giải quyết; chị Q phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: chị Q và anh T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q và anh T.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Q khởi kiện anh T có địa chỉ khu phố LA, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh về việc xin ly hôn.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đây là vụ án “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị Q và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, ngày 12-11-2021. Nên hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chị Q và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đều nghi ngờ nhau ngoại tình, sống chung với nhau được một tháng thì chị Q bỏ về nhà cha mẹ chị Q sống còn anh T sống tại nhà cha mẹ anh T. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 tới nay nhưng cả hai không tìm nhau để nói chuyện hành gần tình cảm.

Chị Q xác định do cả hai không gặp nhau, không gần gũi nhau, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa chị Q và anh T không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T.

[2.2] Về con chung và nợ chung: chị Q và anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: chị Q và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Q là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q về việc “Ly hôn” đối với anh T.

1. Về hôn nhân: cho chị Q ly hôn anh T.

2. Về con chung và nợ chung: chị Q và anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: chị Q và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: chị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026953 ngày 07 tháng 12 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Chị Q và anh T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tx Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;
- UBND phường LH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Huy Phong